TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN T** **TỈNH LONG A**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-02-2022
Về việc: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T - TỈNH LONG A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc A**.**

***Hội thẩm nhân dân*:**

1. Bà Nguyễn Thị Thanh T.

2. Bà Võ Thị Vân K.

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Hiếu L – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân T.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 141/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXX-ST, ngày 14 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1994

Nơi cư trú: DH 312, thôn Phú Tân, xã Phú R, huyện Bù Gia M, tỉnh Bình P

2. Bị đơn: anh Hồ Văn C, sinh năm: 1985
Nơi cư trú: ấp 4, xã Tân Th, huyện Tân T, tỉnh Long A

(Nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt mà không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và bản tự khai của nguyên đơn Nguyễn Thị Thùy D trình bày nội dung vụ kiện như sau: chị D và anh C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009, đăng ký kết hôn ngày 31/08/2012 tại Uỷ ban nhân dân xã Phú Tân, huyện Bù Gia M, tỉnh Bình P. Chị D và anh C chung sống với nhau có hạnh phúc trong thời gian đầu. Đến năm 2013 giữa chị D và anh C phát sinh mâu thuẫn trong hôn nhân do anh C nghiện rượu, không lo làm ăn, kinh tế gia đình khó khăn. Chị D đã cố gắng chịu đựng và nhiều lần khuyên anh C sửa đổi nhưng anh C không thực hiện. Do đó, chị D và anh C không còn sống chung với nhau từ năm 2019 đến nay. Hiện nay, chị D yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: giữa chị D và anh C có 01 con chung tên Hồ Trọng H, sinh ngày 01/01/2010 do chị D trực tiếp nuôi dưỡng trong thời gian vợ chồng sống ly thân. Hiện nay chị D yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung khi ly hôn, không yêu cầu anh C cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hồ Văn C: anh C đã vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có văn bản thể hiện ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hôn nhân gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú tại xã Tân Th, huyện Tân T, tỉnh Long A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mà không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan nên Hội xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về hôn nhân:

Chị D và anh C chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Phú Tân, huyện Bù Gia M, tỉnh Bình P, vào sổ đăng ký kết hôn số 103/2012 Quyển 01 ngày 31/8/2012 nên quan hệ hôn nhân của chị D và anh C là hôn nhân hợp pháp. Chị D trình bày trong thời gian chung sống, giữa chị D và anh C phát sinh mâu thuẫn trong hôn nhân do anh C nghiện rượu, không lo làm ăn,

kinh tế gia đình khó khăn, chị D khuyên nhủ nhưng anh C vẫn không sửa đổi. Xét thấy giữa chị D và anh C không còn chung sống với nhau đã nhiều năm, mỗi người có cuộc sống riêng, không quan tâm lẫn nhau nên có cơ sở xác định giữa chị D và anh C đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh C vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án mời giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị D. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị D có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2.Về con chung:

Chị D và anh C có 01 con chung tên Hồ Trọng H, sinh ngày 01/01/2010. Chị D có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H đến tuổi trưởng thành. Xét thấy hiện cháu H do chị D trực tiếp nuôi dưỡng từ khi chị D và anh C sống ly thân cho đến nay, chị D vẫn đảm bảo quyền lợi cho con. Đồng thời, cháu H có văn bản trình bày ý kiến muốn sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị D về yêu cầu đối với con chung. Cần chấp nhận cho chị D được trực tiếp nuôi con chung tên Hồ Trọng H. Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh C cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

Anh C được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

2.3.Về tài sản chung: chị D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[*3] Về án phí:* Chị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy D:

Chị Nguyễn Thị Thùy D được ly hôn với anh Hồ Văn C.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thùy D được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Hồ Trọng H, sinh ngày 01/01/2010.

Sau khi ly hôn, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Thùy D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí. Chuyển 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu số 0004071, ngày 09/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T sang thành án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận
- Toà án tỉnh Long A;
- VKS huyện Tân T;
- THA huyệnTân T;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc A